

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;
2. Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1999; tạm trú: Tổ 10, khu phố Đ, phường H, thành phố D, tỉnh B. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Hữu T, sinh năm 1993; tạm trú: Tổ 10, khu phố Đ, phường H, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2020, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Tuyền trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T sau thời gian tìm hiểu nhau được khoảng 01 tháng thì tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới nhưng đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã R, tỉnh L, theo giấy chứng nhận kết hôn số 117/2019, ngày 30/8/2019. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau tại thành phố D, tỉnh B. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm thì bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do giữa chị T và anh T tìm hiểu nhau thời gian ngắn nên không hiểu nhau, do đó khi về sống chung anh chị hay bất đồng quan điểm sống, cãi nhau thường xuyên. Ngoài ra, chị Tuyền cho rằng anh T có thái độ không tôn trọng gia đình chị T, ngăn cản chị T tiếp xúc và gặp gỡ gia đình. Anh T không sống có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu bia và về nhà rất khuya. Chị T đã góp ý nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị T đã và nhà mẹ ruột ở miền tây sống từ tháng 3/2020 đến nay. Mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc gì nhau nữa. Nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Quyền và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Huỳnh Hữu T trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do thời gian tìm hiểu nhau không nhiều, không hiểu nhau nên khi về sống chung thường bất đồng quan điểm và cãi nhau. Anh T xác định là anh T có thái độ không tôn trọng gia đình chị T, anh T không muốn cho chị T tiếp xúc và gặp gỡ gia đình chị T. Ngoài ra, anh T cũng thường xuyên uống rượu bia với bạn bè và về nhà hơi trễ. Chị T đã góp ý nhiều lần, anh T đã hứa với chị T là sẽ thay đổi nhưng đến nay anh T vẫn chưa làm được. Chị T đã và nhà mẹ ruột ở miền tây sống từ tháng 3/2020 đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau. Tuy nhiên, anh T xác định vẫn còn tình cảm và thương yêu chị T nên không đồng ý ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành và tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 14/8/2020, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Huỳnh Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 14/8/2020 và ngày 31/8/2020 nhưng anh

T vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Huỳnh Hữu T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã R, tỉnh L theo giấy chứng nhận kết hôn số 117/2019, ngày 30/8/2019, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh T đều thống nhất mâu thuẫn vợ chồng và xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T đã và nhà mẹ ruột ở miền tây sống từ tháng 3/2020 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc gì nhau nữa. Sự thừa nhận của đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã diễn ra trong thời gian dài, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2020 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc nhau. Anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị T nhưng anh T không có giải pháp nào để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T hai lần để tham gia phiên tòa nhưng anh T không đến Tòa án, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh T không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T đối với bị đơn anh Huỳnh Hữu T về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Huỳnh Hữu T (theo giấy chứng nhận kết hôn số 117/2019, do Ủy ban nhân dân phường P, thị xã R, tỉnh L cấp ngày 30/8/2019).

- Về con chung: Các đương sự không có con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0040502 ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh B.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh B ;
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THADS thành phố D;
- UBND phường P, thị xã R, tỉnh L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

